

Một xã hội nhỏ với sự hội nhập của 80 hộ, cũng cho thấy phần nào tầm vóc của một xã mang hội hướng đô thị hóa. Sự hội nhập này không thể nào hình thành được nếu tính cách văn hóa của những con người ở đây thiếu tính cởi mở, tính năng động. Đây cũng là một nét của bản sắc hòa nhập hội nhập của tộc Việt, thoát nhìn, thoát nghe tương lộn xộn, nhưng là có tính chất quy luật. Làng ít nhất có 31 hộ, làng nhiều nhất là 43 hộ. Nhiều hộ mới đương nẩy sinh lại chưa có trong bảng 7 mà chúng ta mới bắt đầu làm quen.

#### **V. CÁ BAY VÀ CÁ LINH**

Cá bay là tên gọi chung của tất cả các loại cá thường vượt nước theo mùa hoặc lúc mưa lớn. Vùng biển Bình Định cũng có loại cá hay vượt nước, nhưng người ta gọi là cá chuồn.

Ở Bến Cá - Tân Triều khi sử dụng khái niệm cá bay, người ta hiểu đó là cá mũi dùi. Cá linh cũng thuộc loại cá vượt nước, cá bay, nhưng người ta gọi rõ đó là cá linh. Các loại cá khác phải chỉ định cụ thể. Cá bay tức là cá mũi dùi, ở trong đồng, cá bay râu ở sông, màu trắng có râu, bụng bự nên ăn hơi đắng. Cá bay râu thường ăn với loại đọt rau : vụn thợ, bằng lăng, vừng và các loại rau khác, như : diếp cá, cần ống. Chế biến cách gì để nhậu cũng rất ngon, nhưng không được thiếu món sả. Cá lòng tong lớn con được gọi là cá lòng tong đá. Cá lòng tong nhỏ con được gọi là cá lòng tong bay. Cá lòng tong bay khó bắt, khó câu vì chúng biết rĩa mồi, không hay bị mắc câu. Loại này được chế biến theo cung cách : kho, nướng, chiên.

Cá mũi dùi hay cá bay, chỉ bằng đầu đũa, dài chừng 2 - 3 cm, màu nâu nhạt. Khi lúa mùa trở đồng, chân ruộng còn xấp nước, cá ngược nước lên đồng ăn bông lúa rơi vãi. Cá từ những chấm nhỏ li ti biến dần thành những

con cá béo ngậy. Vào khoảng tháng 9-10 AL, khi có mưa rước cá, tức là những cơn mưa kết thúc mùa mưa, chúng di chuyển thành từng đàn lớn. Đoán biết được thời cơ cá bay, người ta chỉ đem những dụng cụ thô sơ ra hứng ở chân ruộng có đường nước chảy là bắt được cơ man nào là cá, làng trên xóm dưới reo hò náo nhiệt. Cá được hấp với sả ớt, gừng băm nhỏ, cuốn bánh tráng với rau sống rồi chấm mắm nêm để tạo thành một món ăn đậm đà. Người ta thường hay ăn với đậu rồng :

*Cá bay ăn với đậu rồng*

*Dù có xa mấy sông, mấy rạch, mấy đồng em cũng theo.*

Ai cũng nhắc tới câu ca dao này, chứng tỏ hương vị độc đáo đậm thắm của món cá bay với đậu rồng. Nếu suy nghĩ kỹ sẽ thấy cách ăn, theo câu ca dao đã nêu, là một món mới sáng tạo, mới được phát huy. Đậu rồng về mặt dân tộc thực vật học là một loài cây mới nhập vào để trồng ở nước ta, để góp phần tăng dinh dưỡng, giải quyết nạn đói. Đậu rồng nếu chỉ dùng riêng thì chỉ có người nghèo mới dùng. Cá mũi dùi hấp ớt, sả, gừng chấm mắm nêm mang phong cách truyền thống, đậm đà màu sắc dân tộc. Cá mũi dùi cuốn bánh tráng, rau sống, đã quá ngon rồi. Vì cá quá nhỏ, lại được hứng theo đường nước chảy cho nên trong quá trình làm cá, người ta phải nhặt rác ra. Dù có nhặt kỹ đến mấy, chắc cũng không thể nhặt hết rác, cho nên khi ăn phải tiếp tục nhặt rác. Người nào sĩ, theo lối vệ sinh phương Tây, chắc là không dám ăn, bỏ phí cả món trời cho, một đời phải và nên thưởng thức một lần. Thứ hai là cá quá nhỏ nên khi làm ruột chỉ có thể bóp qua, rửa sạch không thể nào làm từng con một nên khi ăn còn vị nhàn nhạt đắng đắng. Chính cái vị này không thể nào thay thế được, nên khi chấm với mắm nêm thì hương vị ngọt ngào

thật khó tả, làm cho những ai đã ăn được miếng đầu tiên rồi thì lại muốn ăn cho kỳ no. Cá bay Tân Triều tuy dân dã nhưng lại rất nổi tiếng vì thái độ thương thức món ăn này đòi hỏi trước tiên đối với những ai muốn tham dự phải có một thái độ nhập thế, nhập cuộc.

Món cá linh đã được Lương Văn Lựu mô tả [62] cho nên ở đây cũng không cần nhắc lại. Nhiều người hay khẳng định là cá linh không còn ở Bến Cá, Tân Triều, nhưng khi về điền dã ở đây, theo yêu cầu của tôi, nhân dân địa phương cũng đãi chúng tôi nhiều bữa cá linh. Khi nói chuyện với các cụ ở đây, nhất là qua hai buổi trò chuyện với các cụ ở Long Phú, chúng tôi có thể khẳng định rằng, cá linh vẫn còn, nhưng "*bão cá linh*", thì không còn nữa. Gọi là bão cá linh là vì khi cá ngược dòng tạo nên tiếng ồn ào như bão. Dòng sông nổi lên các đợt tiếng ào, rền, âm vang. Cá từng đợt về không biết cơ man nào kể xiết. Người ta chỉ việc mang ghe lớn căng buồm đón, hoặc dựng phên, liếp, bảng để đón, để hứng cá. Đi đón cá linh gọi là đi trể. Phên, liếp, bảng, buồm... phải màu trắng dựng một bên mạn sườn của ghe. Mạn sườn đối diện căng lưới. Cá vượt nước thấy tấm ván trắng, nhảy tránh vướng lưới, rơi vào xuống ghe. Ai mà hơi tham thì chắc chắn là chìm ghe, vì cá chỉ ào một loạt là có thể nhấn cả thuyền xuống sông. Các cụ ở đây hay than phiền, sau giải phóng, không còn có hiện tượng bão cá linh nữa, vì nhân dân đánh trái, đánh điện vô tổ chức. Sau giải phóng chất nổ sẵn, nhiều, không cần chờ đến lúc cá ngược, một lần đánh được một thuyền đầy ắp, ngoài cá linh còn có nhiều loại cá khác. Thứ hai là nghề đánh điện, tuy cấm, nhưng trong dân vẫn sử dụng phổ biến, làm chết hết cá. Thực ra, ý kiến nêu ra đều rất đúng, nhưng chỉ là 2 trong nhiều nguyên nhân cắt đứt cơn bão cá linh ở vùng này. Khi rạch Bến Cá bị lấp dần không còn

hiện tượng nước sông trong chảy lộn nước sông ngoài, thì bão cá linh vẫn còn tập trung phía sông Đồng Nai. Đập Trị An hoàn thành làm cho dòng chảy ổn định, cá linh ít nhưng cá cơm nhiều lên. Nguyên nhân thứ năm làm cho mất cơn bão cá linh có lẽ là do sự ô nhiễm của nước sông Đồng Nai. Lúc hè sang thu, với những đợt gió đông, nước nước sau giao nhau, thủy triều dâng cũng dâng theo những dòng nước ô nhiễm góp phần cắt đứt cơn bão cá linh.

Cá bay, cá linh là những món đặc sản làm cho Bến Cá, Tân Triều nổi tiếng, nhưng theo nhân dân địa phương ở đây cho biết đó chưa phải là những loại cá ngon. Có thể là hai loại cá này nổi lên đúng mùa, đúng dịp vào lúc mùa mưa chuyển sang mùa khô cho nên được nhiều người quan tâm chú ý đến. Mặt khác khi đến mùa hai loại cá này ăn đứt các loại cá khác theo tác động của quy luật số đông, tiêu thụ không nhanh thì chỉ có cách làm mắm để ăn dần. Nhiều loại cá khác ngon hơn và cùng nhiều loại cá người ở đây dùng khác với những nơi khác. Sau đây có thể phác họa vài dòng để làm rõ thêm về một vùng quê đa dạng và phong phú.

Cá bông thùng ở đây chỉ ở tầng nước mặt. Cá thoi loi ở bờ hay nhảy lên cây. Người Cà Mau hay dùng loại cá này nhưng người ở đây không ăn. Rùa hiện nay không còn nhưng người ta vẫn chưa hiểu tại sao trong vùng này, từ trước tới nay chưa thấy nói đến ba ba. Cá chạch thì phải đi đào về xào với sả và ớt. Cá lịch tương tự như cá chạch, nhỏ con hơn, nhưng khó bán vì người mua chê cá rất tanh. Người ở đây hay đi đào lịch, về rộng trong ao để ăn dần. Cá rô được phân biệt thành ba loại. Cá rô mè, phải đi câu. Mồi câu dùng trứng kiến nhưng người móc mồi phải rất thiện nghệ. Cá rô biển cũng gọi là cá rô điêu. Gọi là biển nhưng loại cá rô này lại ở trong đồng, nhỏ con, hơi tròn.

Cá rô xù, nhìn thì cứng nhưng chiên ăn rất ngon. Cá đem về phải cho ít muối ăn, chà hết nhớt, đợi chảo dầu sôi, đổ vào cá còn nhảy, đập vung lại, cá nổ như bánh tiêu. Cá trê trắng ở ruộng, cá trê đen ở sông. Cá trê trắng, chạng vạng đi ăn dọc bờ lách ta lách tách như một đàn vịt đang rỉa mồi. Người Bến Cá không ăn cá trê vàng. Do nước sông bị ô nhiễm cho nên cá trê hay chết hàng loạt làm tanh tưởi cả một khúc sông. Khi cá trê chết phải hết sức tránh tắm rửa giặt giũ ở dưới sông. Cá lạt trắng ở sông chỉ có cách nướng cho mỡ chảy ra, thơm ngát, đem cuốn bánh tráng. Cá ngon, nhưng muốn ăn tiết kiệm, đem kho, nấu thì cứ xem như đem vàng đồ đi. Cá dừng, có vây là một loại cá được xem như là ngon nhất, nhưng ít gặp. Cá ét lửa, màu hơi hồng, cá ét quạ màu đen. Đen thường được gọi là quạ, nhưng có cá lăng màu đen, da nhám lại được gọi là cá lăng địa. Cá lăng vàng được gọi là cá lăng nha. Cá sơn đen được gọi là cá sơn đài (chứ không gọi là đài), cá trên leo, có sọc, không có vây nhưng cá trên đen lại gọi là cá trên trâu. Cá này rất lớn, thường từ 7kg trở lên. Người ta thích dùng bộ lòng cá trên trâu. Cá chình nếu có bắt được thì cũng để dành bán cho Ba Tàu, giá rất đắt, để người ta làm thuốc toàn bộ con cá, kể cả nhớt. Cá lóc trước đây rất nhiều nhưng bây giờ rất ít gặp. Từ ngày có đập Trị An hai loại cá này nhiều lên, nhưng các loại sò hén thì mất tiết.

Ngày xưa ở Bến Cá việc cân đo đong đếm cá được gọi là mức miếng. Cá được rộng trong ghe cho nên muốn bán thì phải mức ra khi có người mua. Miếng tức là một miếng. Một miếng tức là đúng cho vừa một chiếc cần xé nhỏ, khoảng 10kg. Dùng chiếc cần xé này làm miếng, vào ghe mức đầy, cả cá to cá nhỏ, đủ loại.

Con rái cá ở vùng này rất nhiều. Năm 1980 ở Cù lao Vịt bắt được 1 con, nặng 10kg, có lẽ là con rái cá cuối cùng

trong vùng. Kỳ đà trước cũng nhiều. Từ 1980 trở về trước, nếu bắt được kỳ đà, dân hay để dành bán cho người Nùng. Con càng tằm tương tự như con kỳ đà, cắn kén, khi gặp người hay nhảy xuống nước trốn, 15 năm trở lại đây không còn gặp nữa. Các loại chồn cáo sau năm 1975 hầu như không còn. Người ở đây còn tổ chức đi săn chuột để làm các món nhậu lai rai. Hoạt động này được xem như một thú vui, giải trí. Theo sự tính toán của những người trong cuộc thì muốn nhậu thịt chuột, kiếm một việc gì đó làm một buổi hay một ngày, đủ tiền xuống Bến Gỗ, lấy vải khâu về nhậu cũng đủ nhưng như thế ít vui. Đi săn chuột cũng là một dịp tụ hội, vui chơi với nhau.

#### **VI. ĂN HẾT BỊ ĐÒN, ĂN CÒN MẮT VỢ**

Nhân dân ở đây hay truyền tụng câu này như một lời thách đố đối với những người đi hỏi vợ. Câu truyền miệng này cũng có nhiều cách lý giải khác nhau, biểu hiện sự thông minh, sáng tạo, nhanh nhạy để ứng phó kịp thời. Ăn hết nhưng phải còn, ăn còn nhưng phải hết, những phạm trù đối lập nhau, các nhà triết học thường gọi là phép biện chứng [2], nhưng xử lý chưa chắc đã giống nhau.

Bước vào nhà người mình trộm nhớ thăm mong, một mâm cơm thịnh soạn đã được đặt ra để chiêu đãi khách. Theo "đề thi" đã đặt ra nên giải quyết thế nào. Giải quyết cả mâm thì rõ ràng là vừa tham ăn, vừa ngu ngốc. Không giải quyết cả mâm thì chọn món nào? Cách giải thích hợp lý nhất là anh chàng chọn vợ chỉ chọn cách xử lý đĩa cá. Cá chỉ ăn phần trên còn để lại. Phong tục trong Nam khi ăn cá hết phần trên, người ta không lộn con cá lại để dùng tiếp mà thường là bỏ xương để ăn tiếp. Cá đã ăn hết nửa phần trên, tức là còn, tránh được khỏi bị đòn. Cá ăn hết phần trên, xương không gỡ trông phát khiếp, ai còn dám tiếp tục

ăn hoặc gỡ xương để ăn tiếp cho người khác. Đĩa cá tanh banh như thế chỉ có nước đổ đi cho chó, cho mèo ăn.

Một giai thoại thử thách sự thông minh, nhanh trí thì vùng nào mà chả có, cứ gì phải thuộc đặc tính của Bến Cá, Tân Triều.

Bến Cá với điểm nút cuối cùng của thượng đạo, trong hai cuộc kháng chiến cũng đã tỏ rõ tình hình có mà không, không mà có. Với vị trí là một trong những điểm của hệ thống liên lạc giao thông của quân khu 7, chúng ta cũng có thể khái quát rằng thời này có 2 hệ thống địa lý học : địa lý học ban đêm và địa lý học ban ngày. Theo địa lý học ban đêm thì có thể có mấy cách đi như sau :

**1. *Đi với vũ khí công kênh, đông người :***

Bến Cá - Khu 7 - Sông Đồng Nai - Lạc An - Đại An - Đường Chó Ngáp - Bình Đa; đi xuống ra Vũng Bàu - dọc Đồng Nai - Long Tân - Phước An - Long Thành - Thị Vải - Thái Thiện - Phú Mỹ - giao cho Bà Rịa Vũng Tàu.

**2. *Đường của trung tướng Nguyễn Bình - Đi ít khách và khách đặc biệt :***

Tân Triều - Sài Gòn - Đông Thành - Đức Hòa - Vàm Cỏ Đông - Mỹ Thạnh - An Nhơn Tây - Sông Thị Tính - Chiến khu Đ.

**3. *Đi ít người :***

Tân Triều băng qua sân bay Biên Hòa - Bình Đa - đi xuống ra Vũng Bàu... tiếp tục theo cách đi 1.

**4. *Đi lúc gay go :***

Tân Triều - Thái Hòa - Mỹ Hạnh - Láng Chà - Bình Lý - Mỹ Bình - An Phú - Sông Đồng Nai - Cù lao Long Phước - băng qua Đồng Nai - Long Tân - Đông Thành - Hộ 17 Chợ Lớn - Cầu Xóm Rượu - Long Đức Đông - băng qua Xoài Rạp - Bàn Thạch - Phú Mỹ - giao cho Bà Rịa Vũng Tàu.

Những cuộc trò chuyện với Bà Tư ở Bến Cá cung cấp cho chúng tôi nhiều nét về những hoạt động công khai, theo địa lý học ban ngày. Bà Tư là người đầu tiên kéo lá cờ cách mạng ở trụ sở ủy ban Bình Phước và cũng là người làm bí thư chi bộ Bình Phước nhiều năm. Trước năm 1975, lúc đầu thì chỉ đi mượn, đi gom tiền để mua đường, quá giang xe lam xuống Long Thành, đi Dầu Giây, lên La Ngà bán. Tiền thu về rất sòng phẳng, lần sau bao giờ cũng nhiều hơn lần trước gấp bội. Theo những điều "người ta" dặn dò đặt hàng, tiền đem về mua hết các thứ đã được dặn dò trước, mang đến "bán". Lần hồi từ chỗ quá giang xe lam đến chỗ thuê mướn hẳn từng chuyến. Dần dà, cứ tự nhiên như ruồi, sử dụng xe của người ta cứ như xe nhà của mình. Mang tiếng là xe nhà nhưng thật ra chỉ đúng có một phần là không phải trả tiền thuê xe nữa. Kẻ thù cũng không phải ngu ngốc gì mà thấy mình làm ăn cứ phát lên như điều, nhất bản vạn lợi. Thế là phải tìm cách móc nối theo kiểu em ông bác, anh ông chú. Rồi phải lo lót đủ thứ chuyện. Về mặt công khai cũng có lý của nó. Những vùng này toàn là những vùng sâu, vùng xa, kẻ buôn người bán không dám đến, vì sợ nguy hiểm đến tính mạng, cho nên mình liều chết mà đến, thu lãi lớn là điều tất nhiên. Nói thế thôi, nhưng cái lý này chẳng qua cũng là chuyện vải thưa che mắt thánh. Nhiều lúc cũng bị tịch thu tương như sạt nghiệp, nhiều lúc cũng bị tham quan xà lim, khám lớn, khám nhỏ, nhưng rồi mọi việc đều qua đi, vì từ người lái xe đến chủ xe, người nhận hàng đều là người không biết, không nghe, không thấy. Nhưng đại lý ở khắp nơi có thể định vị trên bản đồ, không những rất rõ ràng mà lại còn rất chính xác. Trong cái mạng lưới chính xác đó, cũng chẳng có ai giao nhiệm vụ, chỉ biết là mua hàng rồi đem đến bán, tiền thu về của mình, nhưng vẫn ý thức được là không phải



của mình. Mọi việc đều phải dùng xe, cứ tưởng như xe nhà, nhưng cũng không phải của mình.

Trong một lần nói chuyện với Bà Tư, chúng tôi có gặp bà chủ xe lam, nay đang sống ở thành phố Hồ Chí Minh ghé thăm bà bạn già. Tuy đã được bà Tư giới thiệu, nhưng bà này không muốn kể lại những chuyện cũ. Bà ta cũng có những vướng mắc trong thời kỳ cải tạo công thương nghiệp cho nên bà chỉ muốn cái gì đã qua thì khép lại vĩnh viễn. Cái còn vẫn là những gì đọng lại đã lắng sâu của những tấm lòng. Được lòng dân thì có hết cũng vẫn còn, còn mất lòng dân dù vẫn còn nhưng đã hết.

Cái nét đặc sắc này không phải chỉ là đặc điểm riêng của những con người Bến Cá. Đặc điểm này thể hiện rõ nét và tập trung ở những con người Bến Cá, nhưng vẫn là tài sản chung của bản sắc văn hóa Việt. Ra đường thì áo lượt quần là nhưng về nhà, nhiều khi chỉ đánh độc có chiếc quần xà lỏn. Ban ngày cứ cưỡi xe máy đi rong, trông tưởng nhàn nhã lắm, nhưng vẫn là cảnh đầu tắt mặt tối. Từ những nét nhỏ đơn sơ cho đến những vấn đề trọng đại, đều có một nét chung. Về chính trị ngoại giao đó là cách thần phục giả để giữ độc lập thật. Trong cuộc sống văn hóa xã hội, thờ những thần có sắc phong, theo điển lễ của triều đình để thờ những vị riêng của mình.

Từ những chặng đường dài qua những khát vọng đọng lại những điều gửi gắm gắn liền với địa danh Bến Cá, những ước mơ trước ngưỡng cửa của một thiên niên kỷ mới, sẽ tạo điều kiện cho những dự định thông minh thành hiện thực.

### CHƯƠNG III

## I. CUỘC SỐNG ĐẦY TRIẾT LÝ. NHỮNG ĐIỀU VÔ NGHĨA RẤT CÓ Ý NGHĨA

### 1. *Sự lưu truyền những câu chuyện vô nghĩa:*

Về Bến Cá chúng tôi thường được nghe nhân dân ở đây kể lại với một giọng điệu chân thành câu chuyện Đoàn Văn Cự sai đạu thành binh để chống Pháp, nhưng cuộc khởi nghĩa không thành, thời hạn kết thúc quá sớm, nên đạu không thành người mà hóa thành châu chấu phá hoại mùa màng. Mô tập “sai đạu thành binh” đầy màu sắc dị đoan, chịu ảnh hưởng của Đạo giáo. Tuy vậy, mô tập này lại phổ biến rất rộng rãi trong nhiều chuyện kể dân gian. Có áp bức có đấu tranh, để chống cường quyền, nhân dân thường phải viện dẫn đến những phép thuật siêu phàm, mong nhận được sự trợ giúp của thần linh. Qua hàng trăm câu chuyện kể thuộc đề tài này chúng ta đều thấy thất bại cả trăm, không một lần thành công. Sử sách của nước ta cũng thường hay ghi chép những tai họa do châu chấu gây nên. Các sử gia thường gọi hiện tượng này là giặc, giặc châu chấu, gây nên tai họa mất mùa, đói kém, cư dân phiêu tán.

Theo lời kể của dân địa phương thì họ lại cho rằng sau khi đạu không hóa thành người để cầm vũ khí đánh quân xâm lược, thì hóa thành châu chấu phá hoại mùa màng, làm cho quân xâm lược dù có chiếm được đất thì cũng không còn gì mà cướp bóc, mà vơ vét, không ai còn hợp tác với giặc. Tư tưởng vườn không nhà trống để chống quân xâm lược vốn vẫn là một nét trong gia tài truyền thống của dân tộc ta. Sử cũ cũng cho biết rằng khi nhà Nguyễn giao nộp 3 tỉnh miền Đông cho Pháp, vùng Sài Gòn có độ nửa triệu dân trên diện tích 2500 ha. Sau đó với phong trào tị địa, sự ra đi của những người bất hợp tác với

Pháp, số dân còn lại chỉ khoảng 200.000 người, trong đó phần lớn là người Hoa.

Khi hỏi bà con về những chuyện đấu tranh để thống nhất đất nước, nhiều người sau khi kể những chuyện hy sinh anh dũng, đấu tranh kiên cường, những gương bất khuất, thường cho rằng sở dĩ Bến Cá chưa được công nhận là đơn vị anh hùng, vì cũng còn có những chuyện nhỏ nhăng. Thật ra cái gọi là những chuyện nhỏ nhăng, quanh đi quẩn lại chỉ vẫn là chuyện ông Nguyễn Văn Hình, người Tân Triều, đứng ra thành lập một đạo mới, rồi ra đăng ký xin ứng cử tổng thống. Nhân dân thường cho rằng một vùng mà có người địa phương dám đứng ra ứng cử chức tổng thống ngụy, chắc là một vùng phản động. Vậy thực chất của chuyện này như thế nào?

Ông Nguyễn Văn Hình, tự xưng là thiền sĩ, tự là Nguyễn Đức Di, bí danh là Thơm, thời trước đã đứng ra thành lập một đạo mới, tên là : Hòa Hội Cứu Thế Nhân Đạo Hòa Bình. Xem lại những tư liệu ảnh và giấy tờ của người con lưu trữ, hiện nay vẫn còn lưu trú tại Tân Bình, ông ta đã tập hợp được nhiều nhà sư, mục sư, thầy dưng, bà sơ. Thời bấy giờ những người này dám đứng chụp ảnh chung với ông Hình, để làm hồ sơ gửi lên phủ tổng thống của chính quyền cũ, là một hành động dưng cảm, kiên cường. Ông Hình đứng ra ứng cử, vì năm đó Nguyễn Văn Thiệu chơi trò ứng cử độc diễn. Ông ta đệ đơn xin ứng cử, vẫn biết chắc chắn là sẽ thất bại, nhưng ít ra cũng vạch được mặt trò hề bầu cử độc tài của Nguyễn Văn Thiệu. Nhân dân một mặt công nhận nhiệt tình của phong trào vận động hòa bình dân tộc của ông ta, thừa nhận thái độ dưng cảm của ông ta, cho nên khi kể lại chuyện này họ không hề tỏ thái độ ác cảm. Họ chỉ nhận xét rằng ông ta còn quá ngây thơ về chính trị. Hoạt động chính trị mà chẳng có

phe, có phái. Không có thể lực nào ủng hộ kinh phí thì làm ăn nổi gì. Hơn nữa cái đạo của ông ta cũng lãng nhãng, hiện vẫn là câu nói cửa miệng của lớp thanh niên tự trào khi gặp phải những chuyện không may. Lớp thanh niên nam, sau khi kể lại những chuyện làm ăn thất bại của mình cho bạn bè, thường mượn lời trong các tích tuồng hạ câu kết luận: “*Mưu sự tại Nhân, thành sự tại Thiên*”. Lớp thanh niên nữ, sau khi kể những chuyện bất trắc mà mình vấp phải, thường kết luận giản đơn hơn : *của đi thay người*. Để chấm dứt những chuyện không may này, họ thường làm dấu thánh giá rồi chấp tay lại niệm chú : “*Nam mô bốn sư Thích Ca mâu ni Phật. Nhơn danh cha và con và thánh thần. A men*”. Sau lời niệm chú này họ cười vang ngật nghẹo, xem như quên luôn. Lúc đầu mới tiếp xúc tôi cứ tưởng là câu niệm chú hài hước của dân địa phương Bến Cá, cuối cùng mới lần hồi phanh ra đầu mối chính là sản phẩm của Nguyễn Văn Hinh.

Hỏi chuyện người con ông Hinh, sau khi anh đã cho xem hàng đồng hồ sơ lưu trữ của gia đình, anh ta chỉ cho biết là cách làm của ông bố xin ra ứng cử tổng thống là không hợp thời. Biết là Nguyễn Văn Thiệu làm trò độc diễn mà vẫn cứ làm đơn xin ra ứng cử tổng thống là cầm chắc thất bại trong tay. Hiện nay phần mộ ở địa phương, chỉ nhận được từ đời bố trở lên là 5 đời, đến đời ông cố, còn trước đó thì không rõ. Anh này cũng cho biết nhiều về trường hợp hai ông chú và bà cô đi tập kết ở ngoài Bắc. Anh cũng rất tự hào về những người này cho nên lúc đầu xin gặp để hỏi chuyện ông Nguyễn Văn Hinh, xác minh những chuyện đang lưu truyền trong dân cũng hơi khó khăn. Sau một tháng thông cảm, mới hiểu rõ được sự tình về câu chuyện dân cho là vớ vẩn. Thực ra câu chuyện này cũng chỉ là một trong những câu chuyện của phong trào

đấu tranh đòi hòa bình thống nhất đất nước đương phổ biến ở các thành thị miền Nam lúc bấy giờ. Đúng là một chuyện thật như đùa. Niệm Phật Amen là chuyện đùa, nhưng nhiệt tình lo lắng đến hòa bình cho dân tộc là một nguyện vọng có thể khẳng định. Tồn tại dưới hình thức một câu chuyện vui cười cũng là cách lưu giữ dân gian.

**2. Sắc phong cho thành hoàng Tân Vinh Đông hay Tân Vinh Tây:**

Khi được phép xem sắc phong thành hoàng Tân Triều, chúng tôi thấy đây là một loại sắc phong thời Tự Đức mà chúng tôi đã có dịp dịch âm và dịch nghĩa trong quyển sách làng Bến Gỗ [40]. Nội dung căn bản giống nhau, chỉ khác một số chi tiết, có thể liệt kê như sau:

**Bảng 8:**

**So sánh sự khác biệt giữa hai sắc phong thời Tự Đức của đình An Hòa và đình Tân Triều**

Đình An Hòa	Đình Tân Triều
Sắc phong thành hoàng chi thần	Sắc Tân Vinh thành hoàng chi thần
Những chuẩn Long Thành huyện An Hòa thôn, y cựu...	Nãi Phúc Chính huyện Tân Vinh Tây thôn, y cựu...
Kỳ tương bảo ngã lê dân	Kỳ tương hựu bảo ngã lê dân
Nhi thập cửu nhật 29/1/1852	Nhi thập lục nhật 26/1/1852

Tân Vinh Đông và Tân Vinh Tây vốn là hai thôn ở thế kỷ XIX, sau nhập thành làng xã Tân Triều, sau là xã Tân Triều. Tình hình cụ thể của hai làng thôn này ở thế kỷ XIX (xem bảng 9).

**Bảng 9 :**

**So sánh ruộng đất hai làng Tân Vinh Tây và Tân Vinh Đông.**

*(Nguồn: Nguyễn Đình Đầu)*

Các mục	Tân Vinh Đông	Tân Vinh Tây
Thực canh ruộng đất	72.8.9.4	39.2.10.0
Điền tô điền	22.1.1.3	Vi công dụng thổ
Đất trồng dâu mía	50.7.8.1	Vi công dụng thổ
Đất dân cư	3.0.0.0	4.0.0.0
Mộ địa	1 khoảnh	1 khoảnh

Vi công dụng thổ, tức là chủ những ruộng đất cho cả thôn làng canh tác, thành đất chung của toàn thôn làng. Làng Tân Vinh Tây xem như chỉ có đất công của làng. Tân Vinh Tây qua bảng 9 nêu trên, cũng nhỏ hơn Tân Vinh Đông, nhưng thổ cư nhiều hơn 1 mẫu, tức 4894 m<sup>2</sup> 40.16; khoảng nửa ha. Trên thực tế ký tự tây trong sắc phong Tân Vinh Tây thôn. Phan Đình Dũng đã phát hiện, vườn Đông bị xóa để viết đề chữ Tây lên trên.

Làng này thờ sắc phong thành hoàng của làng khác thực ra chỉ là chuyện vô nghĩa. Hai làng đã nhập làm một, đình làng Tân Vinh Đông bị phá trong thời kỳ chiến tranh, nay cũng không còn nữa. Làng thôn nhỏ thờ sắc phong

thành hoàng của làng thôn lớn cũng là chuyện đương nhiên. Hơn nữa làng thôn Tân Vinh Tây vốn có truyền thống vi công dựng thờ, cho nên tính tình có thể cũng do truyền thống tạo dựng nhiều năm nên cởi mở, phóng khoáng. Những lý do này đều quan trọng, nhưng qua công tác điền dã, chúng tôi nghĩ rằng đây chưa phải là lý do chính yếu, nhưng mọi người không ai muốn phát biểu ra thành lời. Vị trí của đình làng Tân Triều hiện nay nằm ngay sau nhà thờ giáo xứ Tân Triều, hướng mặt xây ngược nhau, lưng quay vào nhau. Có thể với sự tôn tại và cố gắng bảo tồn đình làng Tân Triều, nhưng cư dân cư tụ quanh các đình muốn chứng minh rằng nhà thờ có sự thừa nhận của chính quyền thuộc địa thì đình cũng có sự thừa nhận của chính quyền “*bản địa*”. Đình làng vẫn thuộc đất đai của vua. Để hiểu thêm biểu hiện của lòng yêu nước thể hiện qua sự níu kéo quan niệm đất vua, chúng ta có thể tham khảo qua một hiện tượng vô nghĩa khác.

### **3. Thờ bài vị vua đương triều :**

Trong quá trình về điều tra ở Bến Cá, chúng tôi có nhiều lần khảo sát chùa Vĩnh Hưng, nay thuộc thôn Vĩnh Hiệp. Sắc phong của thành hoàng làng Vĩnh Hiệp được đặt trong chùa. Sau ngôi chùa có tháp xá lợi nhỏ, hai tầng, xây bằng gạch thẻ của vị sư trụ trì trước ở đây thuộc phái Lâm Tế chính tông đời thứ 39. Chùa này trước đây do thầy Đám cai quản. Năm 1969 dân làng đuổi thầy Đám, vì đã làm những chuyện không hay, như ăn thịt chó chẳng hạn, để mời một ni cô từ Huế vào, do giáo hội Phật giáo cắt cử. Điều quan tâm lớn nhất của ni cô là làm thế nào để bố trí, sửa đổi cách sắp đặt trong chùa cho đúng với quy định của điển lễ Phật giáo hay ít nhất cũng là việc trả lại việc thờ sắc phong thành hoàng cho đình. Song việc này gặp nhiều

trở ngại cho nên trong vòng 30 năm vẫn chưa thực hiện được điều gì. Mấu chốt của vấn đề nằm ở chỗ quy định giữa dân làng với ni cô. Nếu ni cô muốn trụ trì ở chùa này thì không được thay đổi cách bài trí vốn đã tồn tại trong chùa, có thể là cuối thế kỷ XVIII cho đến nay. Tượng Phật hình như phải giơ tay trái mới đúng sách, nhưng tượng Phật ở đây lại giơ tay phải. Phật Tam Thế lại bố trí cùng Ngọc Hoàng và Nam Tào, Bắc Đẩu... Những điều này chứng tỏ Phật giáo ở Việt Nam có 2 xu thế, 2 trường phái; Phật giáo ở Việt Nam và Phật giáo của Việt Nam. Phật giáo ở Việt Nam đã được nhiều người đề cập đến, có nhiều sách đã xuất bản để tham khảo [30,89,168]. Nhiều người nghiên cứu cũng hay thắc mắc về những điều vô nghĩa, nhưng đối với công tác điền dã, cái chính là phải xác nhận thực tiễn đang tồn tại, từ đó chiêm nghiệm tính triết lý của chúng, hơn là cứ cao đạo lớn tiếng phê phán rằng xếp thế này là sai, thế kia là không đúng với sách vở kinh điển... Chỉ riêng điểm này chùa Vành Hưng xứng đáng được xếp hạng, được bảo quản, bảo tồn.

Mối quan tâm của ni cô là làm thế nào bố trí cho đúng với giáo lý Phật giáo, cho nên có mặt bài vị mà mới người hay bỏ qua (ảnh 4).

Điều này cho thấy từ cuối thế kỷ XIX, dân Nam Bộ tuy đã biến thành dân thuộc địa của xứ Nam Kỳ, nhưng vẫn là thần dân của nhà Nguyễn. Đây cũng là hiện tượng độc đáo rất có ý nghĩa, có lẽ là lần đầu tiên phát hiện được trong một ngôi chùa Việt Nam. Trong chùa thường chỉ thờ những vị vua đã mất, khi sống có nhiều công lao đóng góp cho chùa. Theo Nguyễn Văn Sơn thì ở vùng Dương Kinh, nay thuộc thành phố Hải Phòng, ít nhất cũng đã bắt đầu phát hiện ra những tượng vua (vương) như : tượng Mạc



Đặng Dung, tượng vương chùa Hoa Tân, tượng vương chùa Đại Linh, tượng vương chùa Bạch Đa, tượng vương chùa Hưng Khánh, tượng vương chùa Phúc Linh, tượng vương chùa Lã Tiên, tượng vương chùa Chiêu Tường, tượng Mạc Đôn Nhượng...

Dương Kinh là kinh đô thứ hai của nhà Mạc được hình thành và xây dựng theo chiến lược chiếm lĩnh biên khơi. Việc nhân dân thờ phụng các vua nhà Mạc cũng chứng tỏ phần nào công lao nhà Mạc trong việc phát triển kinh tế xã hội đương thời. Việc thờ vua đương thời ở chùa Vĩnh Hưng, trong tư thế đương là một người dân mất nước, phản ánh một hoài niệm mãnh liệt về nguồn gốc, cội nguồn. Một hoài niệm với sự khảng định ản.

Điều vô nghĩa này cũng tương tự như việc xây lại chùa Kim Cang ở Bình Phước, Tân Bình. Chùa Thanh Long trước gọi là chùa Ông do các chú lập ra để thờ Quan Công. Năm 1945 chùa này đã bị Pháp phá hủy. Kim Cang cũng gọi là chùa Kim Long, có liên quan tới Nguyên Thiều cũng bị Pháp phá hủy năm 1945. Năm 1960 các Phật tử tổ chức xây lại chùa trên nền chùa Thanh Long. Lý do được giải thích là vì nơi tha lác của chùa Thanh Long nằm trong phạm vi dồn dân của ấp chiến lược, còn nơi tọa lạc của chùa Kim Cang lại là cơ sở hậu cần của quân cách mạng, cây cối rậm rì như rừng nguyên sinh. Sự việc chắc chắn là như thế, nhưng cũng chưa hẳn là như thế. Ai muốn luận giải như thế nào thì tùy theo nhận thức của mỗi người.

#### **4. Một sắc phong thời Khải Định :**

Long Phú là một làng thôn nhỏ. Trước đây là một trong 6 thôn của xã Bình Phước. Khi Bình Phước nhập vào Tân Bình, trở thành một thôn, thì Long Phú chỉ trở thành một xóm nhỏ nằm ở đầu xã Tân Bình. Thế kỷ XIX, làng

Long Phú thuộc xứ Trục Đà, tức là Rạch Tre, thực canh ruộng đất chỉ có 19.7.8.1 trong đó có 22 sớ đất ruộng :11.6.1.1 và 42 sớ đất trồng dâu, mía : 8.1.7.0. Thổ cư có 05.0.0 và một khoảnh làm mộ địa: Đình làng bị Pháp phá năm 1945, sau đó dân cư làm lại nhiều lần, sau nhiều lần bị phá trong hai cuộc chiến tranh lâu dài hết chống Pháp lại chống Mỹ. Đình hiện nay mới được dựng lại năm 1970 để có chỗ thờ cúng, trên nền của đình cũ, nhỏ chỉ bằng khoảng 1/5 đình trước kia. Tuy vậy dân làng vẫn gìn giữ cẩn thận sắc phong thành hoàng của làng mình xem như là báu vật thiêng liêng để truyền lại cho con cháu. Sắc phong của thành hoàng được dân làng cất giữ người trông nom, đem về thờ chung trên bàn thờ tổ tiên. Khi có chuyện, nhiệm vụ của người giữ sắc là phải bảo quản, sơ tán sắc phong trước tiên, hơn cả bảo vệ gia sản hay tính mạng của mình. Người ở Long Phú vẫn còn nhớ được tên của các người được nhân dân tín nhiệm giao cho công việc trọng đại nhất của làng xã. Đầu tiên là Cả Huệ, tức ông Hồ Văn Huệ, sau đó là ông Hai Cống, tức Phạm Văn Cống. Hai Cống được tín nhiệm bảo vệ sắc phong này trong khoảng 30 năm rồi truyền đến đời Tư Thiệt, tức Phạm Văn Thiệt. Đến đời Tư Hùng, tức Phạm Văn Hùng người ta mới nhớ đến năm cụ thể. Đời Tư Thiệt giữ sắc phong bắt đầu từ trước lúc đình bị phá đến khoảng dựng lại đình mới hiện còn. Thời Tư Hùng giữ sắc phong từ những năm 1975-1981. Tư Hùng sau đó chuyển giao tới Hai Trí, tức Mai Văn Trí (1900 - 1982) rồi chuyển giao cho Năm Chò, tức Nguyễn Văn Huyền. Khi ban hội hương đồng ý cho tôi xem sắc phong, Năm Chò đã hương đèn sửa lễ cẩn thận để rước sắc phong ra. Khi mang sắc ra, hai người cẩn thận căng đạo sắc dựng đứng trước ban thờ để cho chúng tôi xem chứ không được sờ tay vào. Thái độ trân trọng gìn giữ đạo sắc

phong cho thành hoàng làng rất đáng khâm phục. Ban Hội Hương gồm 9 người hôm đó có mặt đông đủ. Trong làng, chờ có mặt đông đủ cả 9 người không phải chuyện giản đơn. Vì thế phải sau mấy lần hẹn chúng tôi mới xem được sắc phong. Hôm đến lại phải đợi từ sáng đến trưa, vì một người có việc đột xuất ở liên tỉnh, trưa mới về được. Dù sao thì cả buổi sáng nói chuyện với nhau cũng rất có ích, nhất là đối với vấn đề bảo cá linh. Hết chuyện nước sắt lại đến chuyện nước chè ở Cầu Mới. Nước sắt tức là nước mặn theo triều dâng lên. Nước chè tức là nước lợ. Nước sắt, nước lợ là những vấn đề triết lý có liên quan đến bảo cá linh mà chúng ta đã bàn ở chương trước.

Về mặt hình thức, giấy của sắc phong kém chất lượng hơn giấy của sắc phong thời Tự Đức, màu cũng hơi khác. Con rồng nằm vào đầu chữ ấn. 5 chữ thọ vẫn tương tự như đã thấy trên sắc phong thời Tự Đức. Sắc phong thời Khải Định tôi đã được tiếp xúc trên 100 đạo, khắp các đình làng ở miền Bắc, cho nên có thể khẳng định đây không phải là một đạo sắc giả. Nội dung có thể phiên âm như sau:

*Sắc Biên Hòa tỉnh, Phúc Chính huyện, Hạ tổng, Long Phú thôn phụng sự Đương Cảnh thành hoàng tôn thân, hộ quốc, tỳ dân nhâm tuế linh ứng tứ.*

*Kim Phi Ứng.*

*Cảnh mệnh miễn niệm thần hưu trước phong vị Đôn Ngung, Dực Bảo, Trung Hưng chi thân, chuẩn kỳ phụng sự cúng cơ thân, kỳ hưu bảo ngã lê dân.*

*Khâm tai.*

*Khải Định nhị niên tam nguyệt thập bát nhật.*

Tạm dịch :

*Sắc cho thôn Long Phú, tổng (Phước Vĩnh) Hạ, huyện Phúc Chính, tỉnh Biên Hoà đường thờ Đương Cảnh thành hoàng, giữ nước giúp dân, linh ứng tính đã lâu.*

*Ta nay đức ít, lãnh mệnh chặn dân, luôn nghĩ đến thần, nên phong tặng cho thần vị Đôn Ngưng, Dực Bảo, Trung Hưng cho phép cúng tế phụng sự thần (như cũ) để thần bảo vệ lê dân của ta.*

*Kính vậy thay.*

*Ngày 18/3 năm Khải Định thứ 2 (8/5//1917)*

Khải Định vốn là vị vua bù nhìn, cũng không hay ho gì, cho nên không ai muốn nhắc đến. Nguyễn Ái Quốc cũng đã có nhiều tiêu phẩm và bài viết để đả kích Khải Định. Đúng về mặt pháp lý, năm 1862 nhà Nguyễn đã ký hiệp ước giai nộp ba tỉnh miền Đông cho Pháp. Năm 1917 Nam Kỳ là thuộc địa của Pháp từ lâu. Khải Định không có quyền hành gì trên đất này cho nên việc phong sắc cho thành hoàng làng ở Nam Kỳ không khỏi là một việc làm vô nghĩa, mà lại còn rất vô duyên. Dù sao thì đối với hành động phong sắc cho thành hoàng của một làng không thuộc quyền quản lý của mình cũng chứng tỏ phần nào cái ý nghĩa tượng trưng sự quản lý về mặt tinh thần. Trên thực tế tuy không phải và cũng không còn là thần dân của nhà Nguyễn, nhưng “*Các vị thần bảo vệ các người vẫn dưới quyền của ta, thuộc điển lễ của triều Nguyễn*”.

Sắc phong thời Khải Định đối với các nhà nghiên cứu thường bị xem như thứ vô nghĩa, vô vị. Tại đây trong trường hợp của Long Phú, đó lại là biểu hiện của lòng yêu nước, gắn kết với quê hương. Vì thế, trong thời kỳ kháng chiến chín năm, giặc Pháp phải thốt lên rằng Long Phú là đất Việt Minh. Những cuộc phục kích, tập kích của dân

làng đối với quân xâm lược, khiến cho chúng không lúc nào được yên tĩnh.

Thời chống Mỹ đây cũng là vùng mà địch thường hay chà đi xát lại. Nhân dân ở đây đã kể lại những câu chuyện, bọn địch muốn tìm ra bà Sáu Điềm, một cơ sở nuôi giấu cán bộ cách mạng trong cả hai thời kỳ kháng chiến. Trong một trận phục kích, hai chiến sĩ hy sinh. Một người hy sinh tại chỗ, còn một người bị thương nặng, lết đi được một đoạn rồi cũng hy sinh. Người này đã được nhân dân chôn cất cẩn thận. Người kia dân xin mang đi chôn cất, nhưng địch không cho, mà còn báo về cho bà Nguyễn Thị Thiệt lên nhận xác con đem về chôn. Nếu bà Thiệt mà không lên thì chúng có lý do bắt bà Điềm.

Khi được bọn địch báo, bà Thiệt đang hoảng lên và biết ngay là không phải con mình. Tuy vậy bà Thiệt vẫn nhận là con mình, chôn cất cẩn thận, vì không phải là con ruột nhưng cũng là con mình, cũng là người đảng mình. Chôn cất đảng hoàng xong xuôi, cũng làm luôn lễ mở cửa mả. Bọn địch sơ hở, nhưng phía bà Thiệt cũng có sơ hở. Nếu đúng là con mình hoặc đã nhận là con mình thì phải mang thi hài về nhà chôn cất. Nếu là con ruột của mình mà chôn cất ngay tại chỗ, sẽ không tránh được sự quở trách của bà con, xóm giềng.

Sau đó lại có sơ hở khác. Ngôi mộ này gia đình biết được nên đã có người đến xin nhận hương khói. Sau đó vì đã có người nhận mộ nên bà Thiệt không làm cúng 49 ngày, mà người khác làm. Sự việc qua đi, có người nhắc mới biết rằng sự phối hợp không chu đáo. Cũng may mà bọn địch cũng không lưu ý đến phong tục, cho nên cũng không phát hiện ra người đã hy sinh không phải là con của bà Thiệt. Có hai anh em nhưng cả hai đều đã hy sinh cho

nên bọn chúng cũng bớt theo dõi bà Thiệt. Nhưng sự việc, “rắc rối” trong vùng có liên quan tới con bà Thiệt, xem như về mặt hình thức đã giải quyết, còn những chuyện có liên quan tới bà Diễm thì vẫn chưa được chúng làm cho sáng tỏ.

### **5. Công việc bảo quản những chiếc ghe đua vô dụng:**

Khi về khảo sát đình Tân Đức chúng tôi thấy đây là ngôi đình có sắc phong thành hoàng làng thời Tự Đức, như đã giới thiệu ở trên về làng An Hòa ở Bến Gỗ và đình Tân Triều, ngày ở đây cũng như ngày ghi ở sắc phong đình Tân Triều : 26/11. Đình Tân Đức bên cạnh còn có miếu thờ Thủy Long. Trong nhà giải vũ còn bảo quản nhiều ghe đua. Khi hỏi chuyện các cụ ở đây mới rõ ngọn ngành cụ thể.

Làng Tân Đức trước có 2 xóm : xóm Hàng tức dân xóm Vạn, sống trên mặt nước và xóm Tân Đức làm nghề nông là chủ yếu, kiêm cả nghề đánh cá và giao thông vận tải trên mặt nước. Những người đi ghe làm nghề giao thông vận tải, đường sông không thông nên đã bán thuyền. Như nhà ông Chúa, năm nay 62 tuổi, đời bố và đời ông nội, có 2 chiếc ghe lớn chuyên môn đi chở đá ở Bửu Long đi các nơi. Sau năm 1945 ông bố bán thuyền lên bờ ở.

Những người tiếp chuyện cho biết xưa ở vùng này cá nhiều lắm, cho nên có hẳn một xóm Hàng, gồm toàn những người chuyên sống trên sông nước. Xưa những người làm nông, ban ngày thì nhặt cá lóc rơi vãi của công cộc ban đêm thì nhặt cá lóc của chim Vạc để ăn. Giờ thì công cộc cũng không thấy mà vạc cũng không còn. Năm 1954, những người công giáo di cư vào, dùng lưới quét, gạn sạch cá, cho nên vạn chài đã bỏ xuống Biên Hòa 20

hộ, về Tân Vạn, về Chợ Đồn và các nơi khác. Ngư dân công giáo đánh bắt cá rất dữ, nhưng sau đó không hội nhập được với giáo xứ Tân Triều, cho nên sau đó họ cũng bỏ đi, tập trung về các nơi khác. Vài người ở Tân Đức xoay ra làm nghề đánh cá lúc nông nhàn.

Cư dân Vạn Chài ở xóm Hàng khi di dân đi các nơi khác đã đem miếu Thủy Long và các ghe đua gửi lại dân xóm Tân Đức. Hàng năm thường là các ngày 11/2 và 12/2 ghe chài từ các nơi tập trung về đây cúng tế, tổ chức đua ghe. Đội thuyền đua của Tân Đức, năm 1832, đã đoạt giải nhì trong hội đua thuyền ở Biên Hòa [62]. Sau năm 1975 cũng đã nhiều lần tham gia các hội đua thuyền do thành phố Hồ Chí Minh và Biên Hòa tổ chức. Từ sau năm 1993, họ không tham dự nữa. Những chiếc ghe đua này là do bà con gửi lại, cũng như miếu Thủy Long, cho nên bà con Tân Đức vẫn bảo quản cẩn thận. Họ quan niệm rằng bà con anh em đã tin yêu mình, đem của cải mồ hôi nước mắt gửi gắm cho mình, thì mình phải làm cho hết bổn phận. Miếu hỏng thì dân Tân Đức đốn cây dầu bán để lấy tiền chữa miếu. Người ta còn cho biết, cây dầu rất to, cột cây để gốc lại, sau bán gốc, tiền thu được còn đủ để trang trải một châu hát bội cho làng. Đối xử với nhau thư thả xem ra đã hết tình hết nghĩa. Chăm sóc miếu của người khác chẳng khác gì miếu của mình. Lớp người hiện nay ở Tân Đức vẫn nhớ rất rõ lớp người thủy cơ đã ra đi. Năm 1989-1990, khi công tác điền dã ở Tân Vạn, chúng tôi đã có dịp tiếp xúc với những người ở phường Vạn, nhưng nói chung thì họ chỉ biết lơ mơ về nguồn gốc của mình ở một nơi nào đó phía bên trên sông Đồng Nai mà thôi. Các vùng khác chưa có dịp điều tra nên chưa rõ. Lại nữa, khái niệm xóm Vạn tại sao lại gọi là xóm Hàng thì cũng chưa có ai giải thích

cho thầu đảo, khiến cho khái niệm xóm Hàng vẫn còn lưu lại trong tình trạng vô nghĩa.

### **6. Sự mai một của một truyền thống hát sắc bùa :**

Khi đi điền dã ở Bến Gỗ, chúng tôi có dịp chú ý tới cây lá Giang (*Ecdysanthera Rosea*) trong thang thuốc của thầy Cúc. Thang thuốc thầy Cúc liên quan đến quan hệ mật thiết giữa hai vùng : Bến Cá - Bến Gỗ. Mỗi quan hệ này sau đây sẽ được đề cập rõ hơn. Đây chỉ nói về lá giang, *Aganionirion polymorphum* Pierre. Lá giang là món ăn ngày hè rất ưa thích của cư dân Đồng Nai - Sài Gòn. Người ta thường dùng nó để nấu canh với thịt gà, thịt ếch. Người nghèo đơn giản hơn, thì nấu lá giang cho vào tí mắm nêm, trở thành món dưa con ngon lành, lại có tác dụng giải nhiệt. Cây lá giang ở Bến Gỗ rất nhiều. Trong quá trình tìm hiểu những hàng bán lá giang ngoài chợ Biên Hòa chúng tôi được các bà bán hàng cho biết lá giang được đưa đến từ vùng Bến Cá. Có bà còn định vị cụ thể hơn là ở miếu sắc bùa Bến Cá.

Chúng tôi có hỏi tới chuyện miếu sắc bùa, nhưng ít ai biết, nhiều người cho đó là chuyện vô nghĩa. Dần dần cũng có người biết đến hát sắc bùa. Trong một lần dùng cơm ở một quán do người ở thành phố Biên Hòa lên mở hiệu, chúng tôi được chỉ dẫn rõ ràng về ngôi miếu sắc bùa. Đồng chí bí thư Tân Bình sau đó ngay giữa trưa nắng, đã dẫn chúng tôi đi tìm cây lá giang ở miếu sắc bùa. Hóa ra đây lại là ngôi đình của một xã khác, ở ngay sau lưng của ủy ban nhân dân xã Tân Bình hiện nay (ảnh 5).

Sắc bùa là một hình thức văn nghệ dân gian có liên quan tới tục phồn thực. Trước năm 1945, hát sắc bùa vẫn còn tồn tại rải rác ở một vùng người Việt và người Mường. Trên các vùng ven biển miền Trung, hát sắc bùa tồn tại rất



phổ biến ở Bình Định. Đối với những cư dân ở Nam Bộ, nơi nào tồn tại hát sắc bùa, có thể nhận định rằng cư dân ở những nơi đó có liên quan gốc nguồn với những cư dân từ Bình Định. Huỳnh Ngọc Trảng cũng đã đề cập tới hát sắc bùa ở Bến Tre nhưng chưa lưu ý tới tục phồn thực. Hát sắc bùa chỉ biến mất đi ở những nơi không còn bóng dáng của phồn thực. Nói chung tục phồn thực hay bị đào thải trong quá trình đô thị hóa. Châu Âu sau quá trình đô thị hóa của cuộc cách mạng công nghiệp, người ta lại quay về với sự sáng tạo truyền thống mới, trong đó cũng có không ít lễ hội có liên quan tới tục phồn thực dưới một dạng mới, được nâng cao hơn, nhưng vẫn được xem như là một truyền thống cũ. Bao điều vô nghĩa sẽ tạo dựng nên kỷ niệm.

## **II. VÙNG ĐẤT CHỨA ĐẦY NHỮNG DI SẢN VÔ GIÁ VỀ TINH THẦN CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC PHÁP CẦN ĐƯỢC XẾP HẠNG**

### ***1. Những dòng chảy liên tục và thống nhất chống quân xâm lược :***

Ngoài những huyền thoại chạy nạn của Nguyễn Ánh, những bài vị đặt hậu của các phi tần thời Gia Long, mà nhiều sách đã đề cập đến, còn có những câu chuyện kể về chuyện nhân dân ở đây đã giúp quân Tây Sơn bắt Nguyễn Ánh. Những người kể chuyện thường cho rằng có lẽ vì thế cho nên địa danh Tân Triều mới có ý nghĩa là triều đại mới, nhưng nhà Nguyễn ghét vùng này cho nên quên luôn. Trong số những vị tướng, có thể là người thời Tây Sơn, có một người có thể được dân của một làng tôn làm thành hoàng làng, nhưng tên hiệu chỉ xuất hiện trong bài văn tế mà thôi. Thực thực, hư hư, chưa thể xác minh được. Có một vị họ Lê, giúp Nguyễn Ánh, sau thấy Nguyễn Ánh công rắn cắn gà nhà bèn theo Tây Sơn. Khi

Gia Long lên ngôi, ông ta bị trả thù, nhưng đã được hô cứu. Nhân vật này có liên quan đến Minh Vật Nhất Tri, hòa thượng trụ trì chùa Kim Cang ở Bến Cá lúc bấy giờ. Thời Lê Văn Khôi khởi nghĩa, năm 1836, ở Long Phú vẫn còn một di tích thành, tương truyền là của dân xây để chống lại sự đàn áp của Minh Mệnh. Có lẽ vì tính chất ngoan cường của cư dân trong vùng cho nên Minh Mệnh cũng ra sắc phong phủ dụ cư dân. Đình Bình Ý còn lưu giữ nhiều tư liệu thời Minh Mệnh, sẽ đề cập đến sau. Đầu thế kỷ này, bọn Pháp xâm lược có lẽ để thay chính sách “bàn tay sắt” bằng chính sách “bàn tay nhung” nên đã cử một vị độc học làm chánh tổng. Đây cũng là thời kỳ mà dân Bình Ý xích mích với dân Bình Mỹ về vấn đề chùa chiền, dân làng trong một đêm đã đi khiêng toàn bộ ngôi chùa làng về đặt tại địa điểm hiện nay. Phải chăng đây cũng là một di sản gốc rễ của tính quật cường mà sau này Bình Ý được bọn Pháp gọi là làng Cội sắt.

Về Bình Ý chúng tôi thường được một cụ dẫn đường. Bữa trưa mời cụ dùng cơm chung, thì chỉ có một lần cụ ăn cơm một lần ăn một tô hủ tiếu. Gần cả tháng đi rồi, chỉ thấy cụ uống cà phê. Hỏi chuyện mới biết cụ rất nhiều con. Năm 1945 thì đi nhật súng đạn của bọn Nhật về giao cho người đảng mình. Sau đó vào chiến khu, được phân công nuôi bê và trồng sắn (mỳ), tăng gia sản xuất nuôi quân. Một người đã dặn cụ sau năm 1953 hãy về dưới gốc cây điệp. Dân trong Nam gọi cây điệp là cây phượng. Một người là quan chức ngụy quyền thấy vậy mới cho cụ thuê một căn nhà, nhưng lại không lấy tiền thuê. Nhà hỏng người đó bỏ tiền ra sửa chữa lại. Khi hỏng nhiều quá, họ xây thành nhà mới và vẫn cho cụ ở. Theo cụ thì đây là một người quá tốt. Một gia đình cứ tá túc mãi một chỗ dưới gốc cây phượng, không rõ thì cũng si. Nếu không thế thì chắc

chấn cũng có vấn đề gì rồi. Ông này là công chức, nên chỉ cần đem nhận xét này nói với một ai đó, chắc sẽ phải vào nhà đá mà tá túc. Cụ cũng cho tôi xem tờ giấy, năm 1946, nhà có đôi bò cày, cũng cho quân của ông Huỳnh Văn Nghệ mượn. Cấp xã hiện nay cũng không thể nào giải quyết nổi, vì chắc người ký trong tờ giấy đó đã hy sinh lâu rồi hoặc nếu còn sống thì cũng không có cách nào truy tìm được hồ sơ. Hiện nay, hàng ngày cụ thay mặt hội bảo thọ, mua quà đi thăm viếng những người ốm đau, bệnh tật. Nếu ai có phần không may thì cùng lo giúp việc lo liệu tang ma. Các con cụ cũng cứ chèo kéo, hết người này đến người khác mời cụ về ở chung, nhưng cụ không nhận. Cụ cho biết chúng nó chẳng lo nổi thân mình chúng nó, còn lo nổi cho ai nữa. Cụ ở nhà, cạnh một người cháu, có trái gió giở trời, nó sẽ đi báo cho mọi người cũng được rồi. Các cụ trong hội bảo thọ, người thì bận bịu con cháu, lo việc làm ăn, người thì ốm yếu, đi lại không vững, cho nên cụ thay mặt mọi người, đi thăm các bạn già lấy đó làm nguồn động viên an ủi. Một người hăng hái hoạt động xã hội, âm thầm, cần cù, cũng không quan tâm mấy có phải mình là người bị mất liên lạc hay không, nhưng cứ chờ đợi : chờ người đã mượn đôi bò đem trả bò, chờ đợi gặp cái người bảo mình về ở gốc cây phượng trước tòa sứ cũ, chờ đợi để gặp lại người cho nhà mà hiện nay cụ đang để lại cho con ở Biên Hòa, cho con nó biết để có lời cảm ơn và cũng là chờ đợi để thanh thản ra đi mà không đòi hỏi một điều gì.

Có lẽ mọi điều đối với người dân vùng Bến Cá cũng chỉ giản dị như hạt lúa củ khoai, thế thôi. Nếu được công nhận là vùng đất anh hùng, họ cũng rất tự hào, còn nếu chưa được công nhận thì mọi việc cũng bình thường, một cuộc sống bình yên, thế thôi!

Cuối thế kỷ XIX, đây là những cuộc đụng độ giữa một nước Đại Nam có chủ quyền và bọn xâm lược. Đây là cuộc đụng độ giữa 2 nền văn minh phương Tây và nền văn minh phương Đông, nhưng nền văn minh phương Tây đến nước ta lại đi từ hướng Đông đến, đối lập với thế chiến lược có từ thời văn minh Đông Sơn, là từ phía Tây tràn xuống chiếm lĩnh đồng bằng ở phía Đông. Các cuộc kháng chiến chống xâm lược đều hướng từ hướng Tây để đẩy lùi quân cướp nước ra hướng Đông. Năm 1859 giặc Pháp chiếm được thành Gia Định, năm 1862 ba tỉnh miền Đông bị cắt nhượng cho Pháp. Những cuộc đấu tranh chống xâm lược của nhân dân tuy trên danh nghĩa là do nhà Nguyễn lãnh đạo, nhưng trên thực tế vẫn là tự phát, vì nhà Nguyễn không tin dân.

Từ 1862 cho đến năm 1930, cuộc đấu tranh chống xâm lược thuộc phạm trù chiến tranh giải phóng, nhưng vẫn mang tính tự phát. Những cuộc chiến đấu như Trại Lâm Trung ở Bình Ý là một ví dụ.

Năm 1930 với sự xuất hiện của Tư Chà ở Bến Cá và việc kết nạp những người ở Bến Cá vào tổ chức như Chín Văn, Tư Phan, những hoạt động cách mạng đã chuyển vào tay giai cấp công nhân. Những cuộc đấu tranh được tổ chức khoa học dưới sự chỉ đạo của lý luận khoa học cách mạng. Ngày 23/10/1940 cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ nổ ra, nhưng thất bại, nhiều người đã về ẩn náu ở Bến Cá. Năm 1941 phát xít Nhật vào Biên Hòa và 9/3/1945 tổ chức đảo chính hất cẳng Pháp. Nhân dân cho biết khi Nhật vào Biên Hòa, mở rộng sân bay ra tới Bình Ý, có lập trại giam bắt hơn 200 người nhốt tại đây. Hoạt động cách mạng tại địa phương đã tổ chức, tấn công, phá lao để giải thoát những người bị giam giữ. Nhân dân cho biết lúc này bọn phát xít

Nhật rất tàn ác. Người bị hy sinh, chúng cho chôn ngược, chân thò lên khỏi mặt đất để khủng bố tinh thần những người còn sống. Những người trong các gia đình bị chúng sát hại, chúng phân cắt ra cho hết vào chum, làm cho người trở về không dám tiếp tục sống. Những hành động tàn bạo của bọn phát xít không thể nào kể hết. Ấy vậy mà khi Nhật hoàng đầu hàng, một số lại trở thành giặc Phạt, giặc ăn xin. Bị đói chúng sà vào các hàng quán, xếp vũ khí vào một góc, ăn uống xong đứng dậy ra về không trả tiền. Chủ quán hiểu ngầm rằng chúng thanh toán bằng vũ khí, cho nên sai người đem nộp cho người đảng mình để lấy tiền tiếp tục kinh doanh. Vũ khí thời đó bán rất mắc (đắt tiền) nhưng không ai dám bán. Vùng Tân Triều có 3 người Nhật vào nhà Năm Trang nộp súng; một người nộp súng ngắn và gươm có lẽ là chỉ huy, hai người kia nộp súng dài và lưu đạn. Những người này sau được đặt tên là Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn C. Cho đến năm 1950 thỉnh thoảng vẫn còn gặp họ về Tân Triều xay lúa, giã gạo với dân.

Từ tháng 8 năm 1945 đến năm 1954, đó là sự đụng độ của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa và thực dân Pháp. Từ năm 1960 về hình thức đó là sự đụng độ của hai chính quyền Việt Nam Cộng Hòa và Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam, nhưng trên thực chất là cuộc chiến tranh giải phóng chống sự xâm lược của đế quốc Mỹ. Cuộc chiến tranh này về mặt bản chất vẫn là cuộc chiến tranh chống xâm lược, giữa một bên là Nhà nước có chủ quyền, mà nhân dân thường gọi là chính phủ cụ Hồ, đối với bọn xâm lược Mỹ. Khi Bác mất nhân dân Bến Cá, ở nơi xa xôi, hẻo lánh như thế, vẫn gởi ra 4 cây bưởi Tân Triều để trồng trong vườn lăng của Bác vào tháng 12/1974. Lòng dân Bến Cá lúc nào cũng bên cạnh Bác Hồ.

## **2. Thời kỳ những hoạt động cách mạng chuyển sang sự lãnh đạo của giai cấp công nhân :**

Tháng 2 năm 1935 chi bộ đảng ở Bình Phước - TânTriều được thành lập do đồng chí Hoàng Minh Châu làm bí thư. Đồng chí Tư Phan làm phó bí thư và các đảng viên : Lưu Văn Văn, Lưu Văn Việt, Quách Tỹ, Quách Sanh, Trần Minh Triết. Đây không những là chi bộ đầu tiên được thành lập ở huyện Châu Thành tỉnh Biên Hòa mà còn là hạt nhân lãnh đạo phong trào cách mạng của cả tỉnh có tác dụng làm nòng cốt để xây dựng tỉnh ủy Biên Hòa sau này.

Đây là thời kỳ đấu tranh chính trị, tuyên truyền về Chủ nghĩa Cộng sản nhằm tạo dựng cơ sở để xây dựng cách mạng lâu dài. Nhân dân Bến Cá đã hưởng ứng và tổ chức nhiều hoạt động có tính cách giáo dục lôi cuốn. Nhiều tầng lớp con em thanh niên, học sinh ở trường đã tổ chức họp mặt, mít tinh, rải truyền đơn nhằm tập hợp thanh niên ca ngợi tinh thần đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân.

Từ năm 1936 đến năm 1939, Bến Cá là một trong những trung tâm của phong trào cách mạng. Ủy ban hành động được thành lập để tập hợp nhân dân thực hiện những yêu cầu theo chỉ đạo của Đảng để chuẩn bị cho Quốc Dân Đại hội. Thư viện bình dân được thành lập tại Bình Ý. Đây là trụ sở của ủy ban, đồng thời là nơi tuyên truyền phát hành báo chí cách mạng.

Tháng 1/1938, cuộc mít tinh đầu tiên của ủy ban hành động được tổ chức tại Gò Dê, Bình Ý, có trên 200 nhân dân trong khu vực đến dự. Lần đầu tiên đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa, đại diện ủy ban hành động của tỉnh đã diễn thuyết, kêu gọi nhân dân ủng hộ Đông Dương Đại

hội, đòi quyền dân chủ dân sinh, được tự do làm ăn hội họp, tự do đi lại; sinh hoạt báo chí, bỏ thuế thân, giảm thuế môn bài. Cuộc mít tinh này tổ chức công khai, có đơn xin phép với chính quyền thuộc địa. Lý do trong lá đơn xin phép của đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa nêu ra rất đàng hoàng, chính nghĩa: kỷ niệm ngày đình chiến và chống phát xít.

*Bức thư ghi Bình Ý: 4/11/1938 vào hồ sơ tỉnh Biên Hòa ngày 5/11/1938 số 19006 và nay lập tức ngày 5/11/1938 chuyển giao cho Sài Gòn, hồ sơ 13960 về một yêu cầu bất thường. Thư có dán tem thuế cẩn thận, đúng nguyên tắc đơn từ*

*Kính gửi ông Thống đốc Nam Kỳ*

*Thông qua ông tỉnh trưởng tỉnh Biên Hòa*

*Kính gửi ông Thống đốc.*

*Tôi là Nguyễn Văn Nghĩa, sống ở Bình Ý, Biên Hòa, đại diện cho một nhóm nhân dân trong tỉnh.*

*Với lòng kính trọng sâu sắc, tôi xin phép ông cho tổ chức một cuộc mít tinh và một cuộc biểu tình trong địa phận tỉnh nhà nhân dịp lễ đình chiến, nhằm mục đích khuếch trương và nhấn mạnh sự phòng thủ Đông Dương, chống sự xâm lược của phát xít Nhật.*

*Trong khi chờ đợi sự chấp thuận lời thỉnh cầu của tôi, xin phép ông cho tôi gửi lời kính trọng sâu sắc và xin ông hãy nhận lời thành thực tôn trọng của tôi.*

Chính quyền thuộc địa cũng lập tức phúc đáp ngay, khẩn trương, kịp thời. Các thư gửi từ Biên Hòa về Sài Gòn

và ngược lại đều đóng dấu mật. Trong số này chúng ta có thể chú ý đến ba bức thư.

Bức thư gửi từ Sài Gòn ngày 9/11/1938 của thống đốc Nam Kỳ gửi tỉnh trưởng tỉnh Biên Hòa trả lời bức thư số : 13.960 ngày 5/11/1938, đã nhắc nhở ông tỉnh trưởng Biên Hòa về Nguyễn Văn Nghĩa hai điều :

*a. Yêu cầu của Nguyễn Văn Nghĩa là bất bình thường, không phù hợp với những điều luật cơ bản ngày 30/6/1881.*

*b. Không được phép tổ chức bất kỳ cuộc mít tinh hay biểu tình vào ngày đình chiến.*

*Đối với yêu cầu này, ông có thể dùng tất cả mọi biện pháp hữu hiệu để ngăn cản việc tổ chức mít tinh. Ông phải ra một quyết định ngăn cấm để đề phòng đối phương đưa ra một đề nghị bất bình thường.*

Ngày 10/11/1938 tỉnh trưởng Biên Hòa gửi thư mật cho thống đốc Nam Kỳ và ra quyết định cấm hội họp. Bức thư ngày 10/11/1938, mật trả lời bức thư ngày 9/11/1938 và bức điện số 214-C ngày 10/11/1938, được thảo ra theo sắc lệnh 4/5/1881 (Chú ý ở trên ghi là 30/6/1881). Trong quyết định này có 2 người là Nguyễn Văn Nghĩa và Phạm Văn Khoai. Quyết định này đã được thống đốc Nam Kỳ chấp thuận ngay ngày 10/11/1938. Điều này cho thấy việc tổ chức mít tinh và biểu tình đã được hoạch định trước. Chính quyền thuộc địa không dễ gì mắc mưu nên đã ra lệnh cấm là tất yếu.

Hai bên công khai bày binh bố trận, vì mọi việc đã biết trước. Ủy ban hành động vẫn tổ chức cuộc mít tinh và biến thành cuộc biểu tình lớn. Trước sự phẫn nộ và khí thế sục sôi của nhân dân, bọn địch tuy tay gương tay súng sẵn



sàng, chuẩn bị từ trước song vẫn phải rút lui. Cuộc biểu tình kết thúc thắng lợi. Bình Ý được bọn Pháp gọi là làng Cộng sản.

Đây là cuộc biểu tình đầu tiên của huyện Châu Thành tỉnh Biên Hòa đòi tự do dân chủ chống áp bức bóc lột. Rõ ràng khi nhân dân được tập hợp có tổ chức, kết hợp với sự lãnh đạo tài tình của Đảng thì sẽ phát huy được sức mạnh vô địch. Cách mạng tháng 8/1945 hoạt động của đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa ở Biên Hòa vẫn tỏ ra xuất sắc[159]. Tên của đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa đã được dùng đặt tên cho một con đường ở thành phố Biên Hòa.

Đầu năm 1937 tại nhà đồng chí Năm Ông (Tân Triều), tỉnh ủy lâm thời Biên Hòa được thành lập, do đồng chí Trương Văn Bang làm bí thư. Sau đó chi bộ đảng ở 3 khu vực: Bình Ý, Bình Phước, Tân Triều cũng đã được thành lập để lãnh đạo nhân dân trong xã đấu tranh chống giặc.

### ***3. Trạm giao liên đầu tiên của khu 7 - Đường trung tướng Nguyễn Bình :***

Ngay sau nhà thờ Tân Triều có một trạm giao thông liên lạc khu 7. Trưởng trạm là ông Lê Văn Trề, một người công giáo, đã dùng nhà của mình để làm trạm liên lạc. Khi chúng tôi đến thăm thầy giáo Nguyễn Tân Triều, người hay viết nhiều bài để ca ngợi cái đẹp của quê hương, nhất là buổi Tân Triều nổi tiếng, anh Tân Triều cho biết khi xây dựng gia đình, có con muốn sửa lại nhà, bà mẹ vẫn không cho. Muốn lán nền bằng xi măng cho sạch sẽ, để con trẻ có chỗ lê la, bà mẹ cũng chỉ cho làm ở thêm và phía nhà làm thêm. Bà cụ năm nay đã 84 tuổi, đau yếu nhiều. Bà bắt tất cả mọi thứ trong nhà phải để nguyên, không được xê dịch hoặc sửa sang một thứ gì. Liệt sĩ Lê Văn Trề bị địch

bắt năm 1946. Bọn chúng chỉ biết đó là giao liên Việt Minh mà thôi. Bọn chúng không biết là người ở đâu, đem cắt cổ nhưng Lê Văn Trê vẫn giữ được đường dây liên lạc của khu 7. Sau đó trạm này vẫn dùng nhà ông Trê làm địa điểm liên lạc, do Tám Lộ rời đến Trần Văn Hòa phụ trách. Bà Hà Ngọc Nga lúc đó là nhân viên của ban liên lạc quân sự khu 7, đã đi đi về về trạm này nhiều lần. Năm 1954, Trần Văn Hòa và Hà Ngọc Nga tập kết ra Bắc, ông Hòa vào đại học, tốt nghiệp trường đại học Kinh tế quốc dân. Bà Nga cũng vào đại học, tốt nghiệp dược sĩ, sau năm 1975 về cư trú ở quận I, TP. Hồ Chí Minh. Trong một ngày tình cờ đi họp ngày truyền thống của ban liên lạc quân khu 7, ông Hòa và bà Nga mới lo liệu được việc xác nhận liệt sĩ cho người bạn chiến đấu là ông Lê Văn Trê vào năm 1997. Sự việc tuy bình thường nhưng nếu không có những người trong cuộc thì cũng rất khó tin, vì chuyện huyền thoại. Ngôi nhà này nên được xếp hạng như một địa chỉ đỏ của cách mạng (ảnh 6).

#### **4. Vùng Việt Minh :**

Trong thời kỳ kháng chiến vùng Bến Cá nay là xã Tân Bình, là một trong những trung tâm của phong trào cách mạng nơi sản sinh và đào tạo nhiều đảng viên Cộng sản kiên cường, về sau là các đồng chí lãnh đạo của tỉnh như đồng chí Phạm Văn Thuận, quê ở Bình Ý là bí thư tỉnh ủy tỉnh Biên Hòa từ năm 1948 đến năm 1951. Đồng chí Phạm Văn Trị, quê ở Bình Phước là khu ủy viên Miền Đông và bí thư tỉnh ủy Biên Hòa. Đồng chí Bùi Thiện Ngộ, Huỳnh Văn Nghệ, Hồ Văn Đại, Phan Văn Đính, Lê Thị Trừ, Ngô Bá Cao, Trần Minh Triết. . . đã từng sống và chiến đấu được nhân dân Bến Cá che dấu nuôi dưỡng. Bến Cá là địa bàn có nhiều tổ chức cơ sở cách mạng, nhiều căn cứ du kích tạo điều kiện thuận lợi để ta tiến công địch. Với

vị trí địa điểm nêu trên, vùng Bến Cá được bọn giặc luôn quan tâm bằng cách thường càn quét, bắt bớ, giết hại nhân dân, hòng dập tắt phong trào cách mạng, nhất là trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước. Vùng Bến Cá xung yếu bị giặc chà đi xát lại nhiều lần. Nhưng với truyền thống yêu nước và sớm được giác ngộ cách mạng, nhân dân đã vượt qua những thử thách gian khổ ác liệt nhất để xây dựng lực lượng cách mạng, tổ chức chống phá các âm mưu của quân thù, quyết tâm đánh giặc cứu nước.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, nhiều căn cứ và tổ chức cách mạng được thành lập như : Căn cứ Bà Cạn ở Bình Ý, đội cảm tử quân ở Bình Phước, Tân Triều đã được thành lập và hoạt động tích cực để lãnh đạo nhân dân đấu tranh với giặc. Nhiều trận đánh của lực lượng du kích địa phương kết hợp với bộ đội huyện đã làm cho giặc Pháp kinh hoàng khiếp sợ, gọi đây là vùng Việt Minh. Vì thế chúng không từ thủ đoạn tàn ác dã man nào đối với nhân dân. Với khí tiết kiên cường của người Cộng sản và do người Cộng sản lãnh đạo, nhân dân vùng Bến Cá, nay lại xã Tân Bình, đã đập tan mọi âm mưu của giặc, góp phần nhỏ bé của mình vào thắng lợi chung của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Cách mạng tháng Tám thành công, nước nhà được độc lập không được bao lâu, thì cuộc kháng chiến tiếp tục bùng nổ. Trong những tháng năm đầu gian khổ nhân dân vùng Bến Cá hưởng ứng lời kêu gọi của quận ủy Châu Thành phát động tuần lễ vàng, tuần lễ bạc, ủng hộ chokháng chiến. Nhiều gia đình ở Bình Ý, Bình Phước, Tân Triều ủng hộ cả bộ lư đồng, có bà má, người chị ủng hộ sợi dây chuyền, đôi bông tai cho chính phủ mua vũ khí chống giặc.

Thanh niên vùng Bến Cá hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng tập hợp tổ chức tham gia cướp chính quyền, tổ chức nhiều phong trào ca hát cổ vũ cách mạng. Nhiều cuộc mít tinh biểu tình rầm rộ của hàng trăm nhân dân tham gia tạo khí thế cách mạng ngày càng lớn mạnh. Trong thời kỳ này tội ác của Pháp không sao cho xiết được. Chúng liên tục càn vào xóm làng, bắn giết nhân dân và cán bộ cách mạng. Tại Tân Triều, địch bắt và giết cùng một lúc 7 cán bộ Việt Minh. Tại Bình Phước chúng càn vào xóm bắn giết cùng lúc 18 gia đình tại ngã ba Bình Thảo. Địch bắt và giết anh Lục cán bộ công an. Tại Bình Ý địch bắt và giết nhiều cán bộ, đồng bào ta. Chị Sen một hội viên công an bị giặc Pháp bắt đánh đập dã man, chúng treo chị lên xẻo từng miếng thịt nhưng không khuất phục được lòng trung thành với cách mạng, không lấy được một lời khai nào. Sự tàn ác đó làm cho nhân dân trong toàn vùng hun đúc thêm lòng căm thù, đồng viên hàng trăm con em lên đường tham gia kháng chiến. Trong số đó đã có nhiều cán bộ bị địch bắt đi Côn Đảo và anh dũng hy sinh tại đây [105].

Nung nấu lòng căm thù giặc, 5 giờ sáng ngày 13/8/1948 du kích đã mai phục tên Tây Sút ở bót Tân Xuân. Đây là tên ác ôn khét tiếng đã giết hại nhiều cán bộ cách mạng của ta. Trên đường bọn chúng đi càn quét ruộng bố qua đầu cầu Bến Cá, bọn địch bị chặn đánh. Tên Tây Sút đang hò hét thì bị bắn hạ tại chỗ, bọn còn lại tháo chạy toán loạn. Tên Tây Sút đền tội Nhân dân Bến Cá vô cùng hả dạ. Bọn tề tổng thì hoang mang lo sợ co rúm lại. Liên tiếp suốt 4 tháng sau đó nhân dân đi lại dễ dàng, đã tự động gánh gạo nếp đậu vào căn cứ tiếp tế ủng hộ kháng chiến.

#### **5. Trận đánh điển hình :**

Tháng 3 năm 1953 huyện đội Vĩnh Cửu chủ trương tập kích địch ở bót Cẩm Vinh (Tân Triều). Đồng chí Tiếp,

trung đội trưởng bộ đội huyện được cử đi trinh sát điều nghiên bót giặc.

Bót Cẩm Vinh nằm dọc theo sông Đồng Nai, gồm 3 lô cốt với 2 trung đội lính Pác-ti-dăng đóng giữ, có nhiệm vụ cắt đường giao liên của ta từ chiến khu D vào thị xã Biên Hòa. Một trung đội biệt động của tỉnh, 2 trung đội bộ đội huyện và lực lượng du kích xã làm nhiệm vụ chặn địch ở Lợi Hòa, không cho chúng từ bót Cây Đào xuống, chặn địch ở ngã ba Bình Ý không cho chúng từ sân bay Biên Hòa tăng viện, diệt gọn bót Cẩm Vinh.

Trận đánh diễn ra vào một ngày của tháng giêng năm 1953. Súng của lực lượng Vĩnh Cửu nổ tấn công ở hướng Tây Bắc dồn địch. Chúng chống trả quyết liệt, đồng chí Tiếp bị thương nhưng gượng đau ôm mìn FT xông thẳng vào diệt lo cốt lớn nhất của địch. Hành động anh hùng ôm bom vào phá lo cốt địch của đồng chí tạo cửa đột phá cho đồng đội tiến lên. Địch bị thu hút ở hướng Tây Bắc đội biệt động nhanh chóng tiến công vào hướng Nam (sau bót).

23h55 phút trận đánh kết thúc. Bót Cẩm Vinh bị đánh thiệt hại nặng, một trung đội bị tiêu diệt, ta thu toàn bộ vũ khí và rút lui.

Trên đường rút quân, 5 giờ sáng hôm sau, lực lượng ta vượt sở cao su ông Phú (Bình Ý) về Đại An. Vừa đến sở cao su cũng là lúc trung đội biệt kích tiểu khu Biên Hòa ruồng kích, lực lượng ta nhanh chóng chia làm 3 mũi: đội biệt động đánh vỡ mặt địch; bộ đội huyện, du kích xã đánh xuyên hông. Trận tao ngộ chiến diễn ra bất ngờ làm cho địch trở tay không kịp. Trung đội biệt kích của địch bị tiêu diệt.

Tấn công thắng lợi bót Cẩm Vinh, đánh diệt trung đội biệt kích ác ôn, gây tiếng vang lớn trong huyện và cả

tình. Nhân dân vùng tạm chiếm vô cùng phấn khởi, bọn tề ngụy vùng sâu co đầu lại, thế kìm kẹp được mở ra, Đảng có điều kiện thọc sâu xây dựng cơ sở Tân Triều, Bình Ý, Bình Phước, tạo được những lõm du kích để cán bộ vào bám trụ hoạt động.

Bên cạnh hoạt động vũ trang, chi bộ Đảng ở Tân Triều, Bình Phước, Bình Ý còn tổ chức nhiều cuộc mít tinh lớn, rải truyền đơn, tuyên truyền cho nhân dân hiểu được đường lối và lý tưởng của cách mạng, phá những âm mưu nham hiểm của địch hòng thôn tính đất nước ta. Nhiều cơ sở cách mạng được xây dựng, nhiều cuộc vận động của cải vật chất, lương thực, thuốc men ủng hộ cho kháng chiến chi viện cho các mặt trận khác đã góp phần công sức vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đi đến thành công.

#### ***6. Tóm tắt những thành tích trong thời kỳ chống Pháp :***

***a. Về quân sự :*** Quân và dân xã Tân Bình đã phối hợp cùng bộ đội huyện tổ chức tổng cộng có 12 trận đánh lớn nhỏ gồm : diệt đồn, đánh địch càn quét, diệt ác tề gian, tiêu diệt được 60 tên địch trong đó có 24 tên giặc Pháp, diệt tất cả 6 tên ác ôn có nợ máu với nhân dân, làm tan rã hàng ngũ trên 100 tên lính, thu được nhiều vũ khí như : súng, lựu đạn, phá hủy hoàn toàn đồn giặc.

***b. Về chính trị :*** Tại địa bàn xã Tân Bình song song với đánh địch là những cuộc đấu tranh chính trị. Tất cả có 17 cuộc biểu tình, mít tinh lớn nhỏ với trên 800 lượt nhân dân trong khu vực tham gia nhằm mục đích tuyên truyền cổ vũ cho phong trào cách mạng, đòi dân sinh dân chủ, bỏ thuế thân, chống bắt lính... Những cuộc mít tinh đó đã phản ánh tinh thần yêu nước của nhân dân Bến Cá, thu được nhiều thắng lợi quan trọng, làm cho bọn địch hoang

mang lo sợ, tạo điều kiện cho các tổ chức cách mạng trên địa bàn để dung hoạt động.

**c. Về công tác địch vận:** là địa bàn trung tâm của cách mạng, nơi hoạt động thường xuyên của tỉnh ủy Biên Hòa, vì thế công tác địch vận thực hiện hết sức sôi nổi và có kết quả cao. Qua công tác giáo dục tuyên truyền của Đảng, hầu hết nhân dân thấm nhuần mục tiêu lý tưởng của Đảng, đã hưởng ứng tốt những cuộc vận động cho cách mạng. Đã xây dựng được trên 15 cơ sở nuôi dưỡng, che giấu cách mạng. Ngoài ra ta còn cắm trong hàng ngũ địch nhiều cơ sở hoạt động để cung cấp tin cho cách mạng, các trận đánh địch đều được báo trước tình hình, tạo thuận lợi lớn cho bộ đội ta đánh thắng quân thù. . .

### **III. ĐẤU TRANH THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC**

#### **1. Tập kết 2 năm thành 20 năm:**

Tháng 7/1954 Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, đất nước ta tạm.. chia thành 2 miền Nam, Bắc. Đế quốc Mỹ thay chân thực dân Pháp, đưa Ngô Đình Diệm vào miền Nam thành lập chính quyền hòng chia cắt đất nước ta lâu dài.

Hòa cùng phong trào chung cả nước quân và dân Bến Cá tiếp tục xây dựng lực lượng cách mạng trên địa bàn, tổ chức thêm nhiều cơ sở che giấu nuôi dưỡng cán bộ cách mạng đi vào hoạt động bí mật, tổ chức đấu tranh với giặc bằng nhiều hình thức, vừa đấu tranh vũ trang vừa đấu tranh chính trị làm tốt công tác địch vận, thực hiện 3 mũi giáp công, quyết tâm bám trụ giữ vững địa bàn, tiếp tế lương thực thuốc men cho kháng chiến.

Là một vùng xung yếu và là cái nôi của cách mạng, vùng Bến Cá là một trong những chiến trường hết sức ác liệt Địch tăng cường kiểm soát hành quân càn quét, nhằm

tiêu diệt lực lượng cách mạng, tạo vành đai trắng cho sân bay Biên Hòa.

Năm 1955 đến năm 1959 nhiều cuộc mít tinh lớn do đồng chí Võ Châu Lang tổ chức tại Tân Triều, Bình Phước tập hợp trên 500 lượt người tham gia nhằm tuyên truyền chủ trương đường lối của Đảng và chống phá âm mưu nham hiểm của giặc, tạo ra phong trào cách mạng nhằm thám nhuần trong tư tưởng và hành động của nhân dân, ý chí đấu tranh cho thống nhất. Nhiều phong trào đấu tranh cho chính trị, kết hợp với đấu tranh vũ trang đã liên tiếp nổ ra. Việc tiêu diệt các tên Xà Phổ, Sáu Hoài ở Tân Triều, tên Bảy Xây ở Bình Ý đã làm cho giặc hoang mang khiếp sợ.

Đầu những năm 1960 lực lượng cách mạng ngày càng kiện toàn, cơ sở được xây dựng đều khắp ở cả 3 khu vực: Tân Triều, Bình Phước, Bình Ý. Hoạt động tổ chức vũ trang ở Bến Cá, Bình Ý tạo được thanh thế cho cách mạng. Các cuộc đấu tranh chính trị đã kết hợp tổ chức cơ sở mật để che giấu và nuôi dưỡng cán bộ cách mạng. Những gia đình bà út Chơn bà út Lé, bà Mười Hảo ở Tân Triều, bà Xóm, bà Sạch, bà Điểm ở Bình Phước và nhiều gia đình nhân dân ở Bình Ý là những điểm sáng rèn đúc lòng tin tưởng tất thắng vào cuộc đấu tranh lâu dài và vô cùng ác liệt

Từ năm 1969 đến năm 1971 là thời điểm khó khăn ác liệt nhất trên địa bàn. Địch càn quét dữ dội, nhiều gia đình là cơ sở che giấu và nuôi dưỡng cách mạng bị bắt, bị đánh đập dã man, nhưng vẫn không đầu hàng, không khai báo cơ sở, nhiều bà mẹ, nhiều cán bộ hoạt động trên địa bàn đã hy sinh anh dũng để làm tròn sứ mạng lịch sử của mình, dù là người Cộng sản hay chưa phải là người Cộng sản.